TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 3 năm 2020
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Dân

Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lâm H Đ, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: G, k, p, thành phố C, tỉnh C.

Bị đơn: Chị Nguyễn T K, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: xã T, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Lâm H Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn T K chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 2007, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải, không thể hàn gắn được, vợ chồng đã ly thân 03 năm nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị K.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Lâm H K, sinh ngày 02/10/2009, hiện đang sống cùng với anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Bị đơn chị Nguyễn T K trình bày:

- Về hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Lâm H Đ về thời gian kết hôn, hôn nhân tự nguyện và không có đăng ký kết hôn theo quy định

pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn như anh Đ trình bày là đúng, vợ chồng đã ly thân 03 năm nay. Nay anh Đ yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung như anh Đ trình bày là đúng, hiện nay con chung đang sống cùng với anh Đ từ khi vợ chồng ly thân với nhau cho đến nay. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Lâm H Đ và chị Nguyễn T K chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2007, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa anh Đ và chị K là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định pháp luật. Nay anh Đ và chị K thống nhất chấm dứt mối quan hệ hôn nhân nên Tòa án không công nhận anh Đ và chị K là vợ chồng.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng, anh Đ và chị K có với nhau được 01 người con chung tên Lâm H K, sinh ngày 02/10/2009, hiện đang sống cùng với anh Đ. Thấy rằng, nguyện vọng của cháu K là được sống cùng với chị K, tuy nhiên từ khi anh Đ và chị K ly thân với nhau đến nay thì con chung vẫn do anh Đ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, chị K cũng xác định anh Đ chăm sóc con chung rất tốt và cũng có điều kiện để nuôi con. Tại phiên tòa, anh Đ và chị K thống nhất thỏa thuận giao con chung cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận này là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật và đảm bảo được quyền lợi của con chung nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ và chị K xác định không có.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, 15 và 58 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Lâm H Đ và chị Nguyễn T K là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lâm H K, sinh ngày 02/10/2009 cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị K không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ và chị K xác định không có.

4. Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000

đồng. Ngày 26/02/2020 anh Đ có dự nộp 300.000 đồng theo lai số 0001495 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu, đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, anh Điền và chị Kiều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND phường 7, TP. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kiều Trang